

TÌM HIỂU NỘI DUNG TỤC NGŨ KHMER (Qua so sánh với tục ngữ Việt)

NGUYỄN THỊ KIỀU TIÊN*

TÓM TẮT

Bài báo này bước đầu tìm hiểu những nội dung phản ánh của tục ngữ Khmer, gồm những tri thức về thiên nhiên, kinh nghiệm trong lao động sản xuất, về các mối quan hệ trong gia đình, xã hội, là những lời khuyên răn về lối sống, về cách ứng xử của nhân dân Khmer... được thực hiện theo phương pháp so sánh với tục ngữ Việt.

Từ khóa: tục ngữ, Khmer, tục ngữ Khmer.

ABSTRACT

*A study of Khmer proverbs content
(Through the comparison with Vietnamese proverb)*

The article is an initial study of contents expressed through Khmer proverbs, including knowledge of nature, experience in labour and production, family relationships, society, advice on lifestyle, behaviours of Khmer people... conducted by a comparison with Vietnamese proverbs.

Keywords: proverb, Khmer, Khmer proverb.

1. Mở đầu

Tục ngữ của mỗi dân tộc nói chung và tục ngữ Khmer nói riêng đều có giá trị về nhiều mặt, được đúc kết từ đời sống cộng đồng của từng dân tộc và từ những mối quan hệ với cộng đồng các dân tộc anh em. Lí giải mối quan hệ đó để tìm ra những nét riêng mang bản sắc văn hóa của từng dân tộc qua tục ngữ là việc làm cần thiết.

Tục ngữ Khmer là tài sản vô giá, là tinh hoa của dân tộc Khmer từ ngàn đời truyền lại và luôn được bồi đắp theo dòng chảy của thời gian, của những biến động trong đời sống văn hóa, xã hội. Vấn đề tìm hiểu, nghiên cứu tục ngữ Khmer cho đến nay, mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định nhưng thực tế đòi hỏi phải

chuyên sâu hơn. Trong đó có những vấn đề về nội dung của tục ngữ Khmer mà hiện nay chưa được nhìn nhận một cách thỏa đáng, thậm chí còn bỏ ngõ. Đó là nghiên cứu phân loại nội dung tục ngữ Khmer, như Sơn Phước Hoan đã từng xác định trong tác phẩm *Thành ngữ và tục ngữ Khmer*; hay làm rõ *pho kinh nghiệm trong lao động, trong đời sống hằng ngày, trong quan hệ xã hội...* của nội dung tục ngữ Khmer mà các tác giả trong tác phẩm *Người Khmer tỉnh Cửu Long* đề cập...

Người Khmer cùng với người Việt, người Hoa và các dân tộc anh em khác là chủ nhân của vùng đất phương Nam. Qua mấy trăm năm tồn tại và giao lưu, nhưng mỗi dân tộc đều giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa riêng của mình. Những điểm khác nhau như là sự tất yếu xuất phát từ bản sắc dân tộc, nền văn hóa các dân tộc.

* ThS, Trường Đại học Trà Vinh

Tuy nhiên, trong tục ngữ của người Khmer và người Việt còn có những điểm tương đồng như là bản chất chung trong quá trình sáng tạo folklore nhân loại, cũng như quá trình cộng cư, điều kiện lịch sử và những quan hệ giao lưu văn hóa mang lại.

2. Nội dung

2.1. Điềm qua một số công trình nghiên cứu nội dung tục ngữ Khmer với hướng tiếp cận so sánh

Khi nghiên cứu văn học dân gian Khmer nói chung, tục ngữ Khmer nói riêng, các nhà nghiên cứu bước đầu có đề cập những sự giống và khác nhau về nội dung phản ánh với tục ngữ người Việt. Nhưng nhìn chung, hiện chưa có công trình nào đặt tục ngữ của hai dân tộc trong hệ thống để nghiên cứu, so sánh, đối chiếu. Bởi vậy, thành tựu của việc so sánh tục ngữ Khmer và tục ngữ Việt đang còn trong giai đoạn khởi đầu, kết quả thu được chưa nhiều.

Năm 1995, tác phẩm *Thành ngữ và tục ngữ Khmer* do Nxb Giáo dục phát hành dày 144 trang, đây là kết quả của hoạt động sưu tầm và nghiên cứu lâu dài của Sơn Phước Hoan. Tác giả đã tiến hành dịch sát nghĩa từng câu thành ngữ, tục ngữ Khmer trong sự đối sánh về mặt cấu trúc, vần, nhịp... với tiếng Việt. Và ở một số trường hợp, tác giả đã dẫn trích những câu tục ngữ Việt có nghĩa tương đồng để người đọc dễ hiểu. Điều này không chỉ có ý nghĩa về sự tiện dụng mà còn có ý nghĩa về mặt khoa học. Tác giả bước đầu đã có sự so sánh tục ngữ của hai dân tộc. Đó là những tương đồng về nội dung, về cách nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng... và những sự khác biệt

trong việc lựa chọn chất liệu làm nên tục ngữ hai dân tộc.

Trong *Một số câu tục ngữ, ca dao tiếng Khmer – Việt có nội dung gần giống nhau*, do Nxb Văn hóa dân tộc phát hành năm 2006, khi giới thiệu những câu tục ngữ Khmer, Trần Thanh Pôn đã có sự liên hệ với những câu tục ngữ Việt có nội dung gần giống. Cũng theo hướng nghiên cứu này, năm 2010, nhóm tác giả Kim Sơn, Lâm Qui, Ngọc Thạch, Trần The đã biên soạn và sưu tầm những câu thành ngữ - tục ngữ - câu đố Khmer trong tác phẩm *Thành ngữ, Tục ngữ và Câu đố Khmer-Việt*, tập 1, do Nxb Giáo dục phát hành với 144 trang. Đây là một cố gắng đáng ghi nhận của nhóm tác giả khi đã chọn lọc những câu tục ngữ, thành ngữ, câu đố của người Khmer có ý nghĩa tương ứng với những câu tục ngữ, thành ngữ, câu đố của người Việt. Với những công trình này, các tác giả đã cung cấp cho những nhà nghiên cứu nguồn tư liệu quan trọng trong nghiên cứu so sánh tục ngữ Khmer và tục ngữ Việt.

Về các bài viết liên quan, năm 1997, trong bài “Về tính biểu trưng của thành ngữ, tục ngữ Khmer Nam Bộ” đăng trên *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP HCM*, Phạm Tiết Khánh khi điếm qua nội dung cơ bản của những câu thành ngữ, tục ngữ Khmer có chứa hình ảnh các con vật đã có sự liên hệ với các câu thành ngữ, tục ngữ Việt chứa hình ảnh những con vật tương ứng. Qua sự đối sánh đó, tác giả đã chỉ ra những tương đồng và dị biệt trong việc sử dụng các hình ảnh biểu trưng về loài vật trong thành ngữ, tục ngữ hai dân tộc.

Năm 2007, trên Tạp san Giáo dục đào tạo Sóc Trăng, Lê Đức Đồng trong bài “Những nét tương đồng gần gũi giữa thành ngữ, tục ngữ Khmer và thành ngữ, tục ngữ Việt” đã đề cập những nét tương đồng trong tình cảm, cách nghĩ, cách đánh giá, nhìn nhận sự việc, hiện tượng của người Khmer và người Việt qua những nét tương đồng trong nội dung phản ánh của thành ngữ, tục ngữ. Theo lí giải của tác giả, nguyên nhân của hiện tượng này là do sự giao thoa văn hóa giữa hai dân tộc cùng cộng cư trên mảnh đất đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có sự tương đồng về kinh nghiệm trồng trọt, sinh hoạt và đối nhân xử thế.

Trên *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 3, năm 2009, trong bài viết “Dấu ấn văn hóa – dân tộc qua chất liệu biểu trưng của tục ngữ người Việt”, Nguyễn Văn Nở đã tiến hành khảo sát so sánh các câu tục ngữ Việt và tục ngữ các nước, trong đó có tục ngữ Khmer qua những nét dị biệt hoặc sử dụng chất liệu khác nhau trong những câu tục ngữ tương đồng về nội dung biểu đạt. Đến năm 2010, trong *Kỷ yếu Hội thảo Ngôn ngữ học toàn quốc* do Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội phát hành, bài báo “Logic ngôn giao trong thành ngữ, tục ngữ Khmer” đã đề cập các câu tục ngữ Việt có nghĩa tương đồng khi khảo sát tục ngữ Khmer về quan niệm của đồng bào Khmer trong việc vận dụng ngôn ngữ khi giao tiếp. Qua đó, chúng ta thấy được sự tương đồng cũng như sự dị biệt trong lối thể hiện, trong những nội dung được chú ý phản ánh, những hình ảnh được chọn dùng làm chất liệu biểu trưng trong thành ngữ, tục ngữ của người Việt và người Khmer.

Như vậy, những công trình nghiên cứu theo hướng so sánh tục ngữ Khmer và tục ngữ Việt đến nay chỉ dừng lại ở việc khảo sát những tương đồng và dị biệt trên phương diện sử dụng chất liệu biểu trưng và một số nội dung phản ánh của tục ngữ hai dân tộc. Ngoài ra, việc nghiên cứu này cũng chưa được tiến hành có hệ thống để có thể đi đến những kết luận mang tính khoa học và thuyết phục hơn.

2.2. Nội dung phản ánh của tục ngữ Khmer

2.2.1. Tục ngữ về quan hệ thiên nhiên và lao động sản xuất

Từ xưa, con người đã sống hòa nhập với tự nhiên. Cuộc sống hòa nhập đó giúp con người nhận thức ngày càng tốt hơn về tự nhiên để có thể thích nghi và phát triển đời sống của chính mình. Đó là những hiểu biết về dự đoán thời tiết, kinh nghiệm trong trồng trọt, chăn nuôi, phát triển sản xuất... Vì phụ thuộc rất nhiều vào tự nhiên nên những hình ảnh của: gió, mưa, sấm, chớp... cũng đi vào tục ngữ Khmer và tục ngữ Việt thường xuyên, thể hiện quan niệm của con người về thế giới tự nhiên.

Lao động nông nghiệp của người Việt và người Khmer phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết, khí hậu. Vì thế người nông dân phải luôn theo dõi, chú ý diễn biến của các hiện tượng thời tiết từng ngày để có sự điều chỉnh kịp thời trong sản xuất. Từ việc quan sát các hiện tượng tự nhiên (như gió, mưa, sấm chớp, trăng, sao...) và đặc điểm sinh học của một số động vật, thực vật, người dân đã rút ra những nhận xét, những phán đoán về thời tiết. Và có lẽ tác động lớn nhất của thiên nhiên đối với sản xuất nông

nghiệp và đời sống là mưa, nắng, bão, lụt... Vì thế, trong vốn tục ngữ Việt, những dự đoán này không ít: *Cóc nghiêng rặng, đang nắng thì mưa; Chuồn chuồn bay thấp thì mưa/ Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm; Gió heo may, chẳng mưa dầm thì bão giạt...*

Tuy nhiên, trong tục ngữ Khmer, những câu tục ngữ về dự báo thời tiết lại rất ít: *Kiến bay trời mưa; Nếu nghe trời gầm đừng vội đổ nước đi; Chó sủa chưa bao giờ cắn, trời gầm âm âm chưa bao giờ mưa...* Và hầu hết những dự đoán thời tiết trong tục ngữ Khmer đều về hiện tượng *mưa*. Sự khác biệt này có thể được lí giải từ địa hình cư trú và sản xuất chủ yếu của người Khmer. Người Khmer ở giai đoạn đầu sống chủ yếu trên các giồng (*Dải đất phù sa nổi lên cao, thường là ven sông*) và cùng với “*buổi đầu cư trú, cư dân còn thưa thớt, nhu cầu tự cung tự cấp cao và đất trên giồng thích hợp với việc làm rẫy*” [10, tr.28]. Chính vì thế mà lũ, lụt, hạn hán... dường như không phải là nỗi ám ảnh đối với người Khmer.

Như đã đề cập, với địa hình cư trú và điều kiện dân cư, bên cạnh nền nông nghiệp gắn với lúa nước, nguồn lợi kinh tế khác cũng không kém phần quan trọng đối với người Khmer là hoa màu: “*Mảnh đất để trồng rẫy được người Khmer gọi là Chomka. Đất Chomka thường là các phum trồng trọt trên giồng hoặc các mảnh đất gò gần nơi cư trú. Ngoài ra, hoa màu còn được trồng dưới ruộng (...). Loại hoa màu được người Khmer trồng phổ biến là các loại đậu, khoai, rau...*” [10, tr.28]. Vì vậy, tục ngữ Khmer có rất nhiều câu đề cập việc canh tác những loại

hoa màu này. Đó là những kinh nghiệm chăm sóc, lượng nước, làm đất, làm cỏ, dự đoán sản lượng: *Làm vườn phải biết chăm sóc, làm ruộng phải biết xem cỏ; Trồng dưa phải chăm sóc, muốn được dưa ăn phải đốt gốc; Hành xem nước, dưa hấu xem dây...* Còn trong kho tàng tục ngữ người Việt, những câu tục ngữ có nội dung này cũng rất phong phú: *Nắng sớm đi trồng cà/ Mưa sớm ở nhà phơi lúa; Tháng giêng trồng cà, tháng ba trồng đậu; Tháng giêng trồng trúc, tháng lục trồng tiêu...*

Bên cạnh hoa màu, trong canh tác lúa, người nông dân nói chung chú ý nhiều đến giống má, lượng nước, kinh nghiệm làm đất: *Nên tìm giống tốt, gieo sạ lưu lại; Mạ theo đất, gãi theo trai; Làm ruộng nhờ nước, đánh giặc nhờ cơm; Làm ruộng phải xem cỏ, cưới gả con cháu phải xem dòng họ...* (Tục ngữ Khmer); *Khoai ruộng lạ, mạ ruộng quen; Không nước không phân chuyên cần vô ích; Công cấy công bỏ, công làm cỏ công ăn...* (Tục ngữ Việt).

Ngoài ra, người nông dân còn chú ý đến yếu tố thời vụ và kinh nghiệm trong dự đoán sản lượng qua hình dáng của cây lúa, qua biểu hiện của thời tiết: *Ngẩng lép, cúi chắc hạt; Trời mưa tốt lúa, trời nắng tốt vườn...* (Tục ngữ Khmer); *Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa; Muốn ăn lúa tháng năm, xem trăng rằm tháng tám...* (Tục ngữ Việt).

Ngoài những điểm tương đồng trên, tục ngữ người Khmer và người Việt đều có những lời khuyên cho việc lựa chọn loại hình sản xuất phù hợp với vốn đất đai của người nông dân: *Đất nhiều làm ruộng, đất ít trồng rau* (Tục ngữ Khmer);

Đất thiếu trồng dưa, đất thừa trồng cau (Tục ngữ Việt).

Nhân dân ta vốn siêng năng, cần cù và yêu lao động. Họ không chỉ biết trồng trọt mà còn biết chăn nuôi. Vì vậy, trong tục ngữ người Việt, kinh nghiệm đúc kết từ nghề này vô cùng phong phú. Đối tượng quan tâm của tục ngữ Việt khi nói về chăn nuôi không tản mạn mà tập trung vào kinh nghiệm chăn nuôi gia súc, gia cầm. Kinh nghiệm nuôi và chọn giống vật nuôi thường xuất phát từ cách lựa chọn những bộ phận cụ thể như mõm, chân, tai, mắt, đuôi, bụng... của vật nuôi: *Làm ruộng có năm, nuôi tằm có lứa; Nuôi heo ăn nằm, nuôi tằm ăn đứng; Gà đen chân trắng mẹ mắng cũng mua, gà trắng chân chì mua chi giống ấy...*

Tuy nhiên, trong tục ngữ Khmer, nội dung này không được chú ý nhiều. Về việc nên nuôi gì và tập tính của vật nuôi, có những câu: *Muốn giàu cho buôn gạo, muốn nghèo cho giết bò; Vịt giống lùn, thích ở thấp...* Ngoài ra, chúng tôi chưa tìm thấy những câu về kinh nghiệm chọn giống vật nuôi. Những câu tục ngữ Khmer có sử dụng hình ảnh động vật hoặc đặc tính nào đó của con vật không phải để giúp người nông dân chọn giống hay giúp họ chăn nuôi tốt hơn mà hầu hết thiên về phản ánh con người trong các mối quan hệ: *Chó sữa không bao giờ cắn; Đùng bắt chước con cá chhđô, loại cá tự ăn con mình...*

Như vậy, tục ngữ về lao động sản xuất một mặt là những dự đoán về tình hình thời tiết ảnh hưởng đến sản xuất, mặt khác là những kinh nghiệm sản xuất lâu đời được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Tất cả những kinh nghiệm

ấy đã đồng hành cùng nhân dân hai dân tộc trong suốt quá trình lao động.

2.2.2. *Phản ánh các mối quan hệ gia đình, xã hội*

Tục ngữ ra đời trong lao động và trong hoạt động giao tiếp giữa con người với con người. Những hành động, cách ứng xử giữa người – người bắt nguồn từ cái gốc văn hóa của họ. Nhiều nét đẹp ứng xử trong các mối quan hệ gia đình và xã hội được lưu truyền qua các thế hệ, trở thành đạo lý, thành lối sống và đã được phản ánh trong tục ngữ của các dân tộc nói chung và dân tộc Khmer, Việt nói riêng.

Trước hết, tục ngữ phản ánh các mối quan hệ trong gia đình, bởi gia đình là tế bào của xã hội. Trong đó, quan hệ vợ chồng được xem là hạt nhân cơ bản. Chính vì thế, cả tục ngữ Khmer lẫn tục ngữ Việt đều đề cao mối quan hệ này: *Gái ngoan làm quan cho chồng; Làm ruộng phải có trâu, làm giàu phải có vợ...* (Tục ngữ Việt); *Thương thân cần lựa thức ăn, vợ chồng thương yêu phải biết chiều nhau; Canh không ngon miễn canh nóng, vợ đen cũng được miễn biết làm ăn...* (Tục ngữ Khmer).

Tuy chế độ phụ hệ đã được xác lập trong cấu trúc gia đình Khmer song tàn dư của chế độ mẫu hệ vẫn chưa hoàn toàn được xóa sạch. Điều này được thể hiện trong cách gọi người đứng đầu phum sóc (đều có từ “me” (mẹ) đứng đầu), các vị thần hộ mệnh gia đình đều là nữ, hay tục ở rể, làm nhà bên vợ...: *Của còn nhờ phụ nữ khéo tay, gia đình sum vầy nhờ vợ hiền; Đùng học cách nói vượt, vợ giận quá, đùng trả lời ngược; Của nhiều thì có nhiều phúc, vợ tốt thì có nhiều bạn...* (Tục ngữ Khmer), *Giàu vì bạn, sang vì*

vợ; *Gái có công thì chồng chẳng phụ...* (Tục ngữ Việt). Vì người vợ có vai trò quan trọng như thế nên dân gian cũng có không ít những lời khuyên cho việc chọn vợ, chọn chồng: *Lấy vợ chọn tông, lấy chồng chọn giống...* (Tục ngữ Việt); *Làm ruộng phải xem cỏ, cưới gả con cháu phải xem dòng họ; Làm ruộng thất, thất chỉ một năm, lấy vợ, gả chồng sai, sai cả đời...* (Tục ngữ Khmer).

Ngoài ra, nền văn hóa Việt Nam từ khi lấy Nho giáo làm quốc giáo, chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa đã du nhập tư tưởng “trọng nam khinh nữ”, quan niệm “đa thê”. Xã hội Việt Nam xưa đã ngầm định vai trò, trách nhiệm của người vợ trong gia đình qua tục ngữ: *Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm; Xem bếp biết nét đàn bà/ Vào nhà thì biết trong nhà đời no...*

Gia đình người Khmer Nam Bộ là quan hệ một vợ một chồng, người chồng là người quyết định chính trong gia đình, chủ yếu là trong sản xuất và giao tiếp xã hội; người vợ quyết định trong việc quản lí gia đình, nuôi dạy con cái và nội trợ. Nên người đàn ông đôi lúc cũng tự cho mình quan trọng hơn, không chịu thua kém vợ: *Thua vợ bị hạ nhục, thua kiện hết tài sản; Đừng trông trời, trông sao, đừng nghĩ rằng mẹ không mắc nợ, đừng nghĩ rằng vợ không ngoại tình...*

Nhưng cũng đã có những người phụ nữ Việt và Khmer phản ứng mạnh mẽ chế độ đa thê: *Đói lòng ăn nắm lá sung, chồng một thì lấy, chồng chung thì đừng; Hai vợ, ba bò, một voi, làm cho khổ thân.*

Tóm lại, tục ngữ Việt và tục ngữ Khmer đều dành những tình cảm trân trọng để nói về mối quan hệ vợ chồng,

đặc biệt là vai trò không thể thiếu của người vợ trong gia đình. Nhân dân lao động Việt và Khmer đã có cách nhìn đúng đắn và nhân ái về người phụ nữ nói chung, về người vợ nói riêng.

Trong tất cả các quan hệ giữa người – người, bên cạnh tình cảm vợ chồng thì quan hệ giữa cha mẹ và con cái là mối quan hệ thiêng liêng, được người đời tôn vinh nhiều nhất. Về phương diện này, quan niệm giữa các dân tộc không có nhiều sự khác biệt. Và nội dung phản ánh về quan hệ cha mẹ và con cái trong tục ngữ Khmer và tục ngữ Việt cũng thế: *Mẹ cha với con, như hình với bóng; Con ngoan là phước của cha mẹ...* (Tục ngữ Khmer); *Có cha có mẹ thì hơn/ Không cha không mẹ như đờn đứt dây; Có nuôi con mới biết lòng cha mẹ; Con biết nói, mẹ hỏi đầu...* (Tục ngữ Việt).

Gia đình có ý nghĩa rất lớn đối với việc hình thành tính cách của trẻ. Vì thế, mọi hành động thường ngày của cha mẹ đều có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành nhân cách của con cái. Cha mẹ không chỉ che chở, bảo vệ con cái mà còn là tấm gương mẫu mực về đạo đức và lối sống cho con cái noi theo: *Cha mẹ trông đi con dại/ cha mẹ trông lại thì con khôn; Cá không ăn muối cá uon/ Con cãi cha mẹ trăm đường con hư...* (Tục ngữ Việt); *Con không cha mẹ, không ai giáo dục...* (Tục ngữ Khmer).

Có một điều lí thú là, cả tục ngữ Việt lẫn tục ngữ Khmer đều có những câu tương tự nhau về tri thức nuôi dạy con cái: *Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở ban sơ mới về; Thương cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi...* (Tục ngữ Việt); *Phải chiều con lúc lên năm, phải*

biết giáo dục lúc lên mười, đến tuổi mười sáu cần ghi nhớ, lời xưa đã dặn con là bạn; Dạy con, phải tự giáo dục mình làm gương... (Tục ngữ Khmer).

Và tục ngữ của hai dân tộc một lần nữa gặp nhau trong việc quy trách nhiệm cho người mẹ khi con cái hư hỏng: *Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà* (Tục ngữ Việt); *Riù ngang tại cán, con hư tại mẹ* (Tục ngữ Khmer). Dù việc đánh giá này còn mang tính quy chụp nhưng nếu nhìn ở phương diện tích cực thì đã ngầm khẳng định vai trò của người phụ nữ trong gia đình. Nếu tục ngữ Việt cho rằng: *Chết cha ăn cơm với cá/ Chết mẹ đội đá lên đường* thì tục ngữ Khmer cũng khẳng định: *Thà mất cha đừng để mất mẹ; Thà chìm xuống giữa sông đừng để cháy nhà.*

Nếu tình thương yêu, lòng vị tha của đấng sinh thành dành cho con cái vô cùng rộng lớn thì ở chiều ngược lại, chữ “hiếu” vẫn như mạch ngầm chảy suốt cuộc đời của mỗi người con. Trong quan niệm của người Khmer, *tu báo hiếu* là một truyền thống tốt đẹp. Chữ hiếu trong tục ngữ Khmer là sự kết hợp giữa niềm tin dân gian và tinh thần Phật pháp cùng với những gốc rễ sâu xa trong luân lý nhân bản truyền thống của dân tộc. Theo họ, người con có hiếu phải biết vâng lời dạy bảo của cha mẹ, phải biết thương yêu, cung kính, phụng dưỡng cha mẹ: *Công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra/ Một lòng thờ mẹ kính cha, cho tròn chữ hiếu mới là đạo con; Tu đâu cho bằng tu nhà/ Thờ cha kính mẹ mới là chân tu... (Tục ngữ Việt); Khinh mẹ trái lời Phật dạy; Giống người dù thấp hèn đến đâu cũng không bỏ tình mẹ cha, lời nói của con người dài*

hơn đường đi, lúa để lâu năm hư gạo... (Tục ngữ Khmer).

Bên cạnh đó, tình cảm giữa anh chị em ruột là tình cảm không thể tách rời: *Anh em như chân với tay*. Sự hòa thuận trong anh chị em là cái gốc của sức mạnh và niềm hạnh phúc gia đình: *Em thuận anh hòa là nhà có phúc*. Tục ngữ Việt đưa ra cách xử thế khi có mối bất hòa trong anh chị em: *Cắt dây bầu dây bí, ai nữ cắt dây chị dây em*. Còn tục ngữ Khmer phản ánh quan hệ anh chị em ruột không nhiều nhưng cũng phần nào khẳng định tình cảm tốt đẹp đó: *Buôn gần tốt hơn bán xa, buôn sát bên nhà bảo vệ em gái*. Ngoài ra, nếu tục ngữ Việt khuyên con người: *Khôn ngoan đối đáp người ngoài, gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau* thì tục ngữ Khmer đã thừa nhận sự khác biệt của mỗi người: *Tre một cây cũng khác lông, anh em một nhà cũng khác ý*.

Ngoài ra, trong tục ngữ hai dân tộc cũng có nhiều câu nói về quan hệ bà con và láng giềng. Trong đó, dân gian luôn đề cao mối quan hệ giữa các thành viên trong dòng họ: *Chim có tổ, người có tông* (Tục ngữ Việt); *Âm thanh nhắc cho biết ngôn ngữ, tình tình cho biết dòng họ; Tiếng nói thể hiện dân tộc, tính nét thể hiện giống nòi* (Tục ngữ Khmer).

Cơ cấu tổ chức của xã hội Việt Nam trước đây còn tồn tại đến ngày nay gồm bốn yếu tố: gia đình, họ hàng, làng xã và đất nước. Trong đó, dòng họ trở thành một thành tố của văn hóa làng Việt Nam. Trong xã hội người Khmer, người dân sống tập trung thành những cụm dân cư lớn nhỏ tùy thuộc và diện tích của các giồng. Đó là môi trường “phum”, “sóc” với những hộ gia đình có

quan hệ huyết thống, thân tộc, hôn nhân. Dù hiện nay môi trường này đã được mở rộng và thay đổi ít nhiều nhưng sự gắn kết giữa các đơn vị trong cộng đồng vẫn còn nguyên vẹn: *Cãi trong dòng họ như tự cõi đồ cho người xem, cãi nhau trong xã hội như mở kho báu cho kẻ trộm.*

Dù đề cao quan hệ họ hàng, huyết thống nhưng trong tư duy của người Việt và người Khmer đều trọng sự gần gũi, thân thiết, sự giúp đỡ lẫn nhau hơn là quan hệ máu mủ: *Bán anh em xa mua láng giềng gần* (Tục ngữ Việt); *Bà con gần nếu không thân như kẻ lạ; Bà con và bạn bè, nếu bà con không cần, bạn thân tốt hơn* (Tục ngữ Khmer).

Ngoài ra, trong quan hệ gia đình, tục ngữ Việt còn phản ánh những mối quan hệ giữa mẹ chồng nàng dâu, chị em dâu, chị dâu - em chồng, sui gia, anh em họ: *Giặc bên Ngô không bằng bà cô bên chồng; Chị em dâu như bầu nước lã; Dâu dừ mát họ, chó dừ mát láng giềng; Dâu là con, rể là khách; Con cô, con cậu thời xa, con chú con bác thật là anh em; Làm sui một nhà biết ra cả họ...* Nhưng những quan hệ này không phổ biến trong tục ngữ Khmer bởi yếu tố mẫu hệ còn khá mạnh trong xã hội người Khmer.

Trong các mối quan hệ xã hội, con người luôn đề cao tính chất giáo huấn, đạo làm người, ý thức trân trọng những giá trị truyền thống dân tộc. Và truyền thống này cũng xuất hiện nhiều trong các câu tục ngữ tục ngữ Việt và Khmer. Về truyền thống “tôn sư trọng đạo”: *Một chữ nên thầy, một ngày nên nghĩa; Không thầy đồ mà làm nên* (Tục ngữ Việt); *Người tự học như người lạc đường giữa đêm khuya; Học trò giỏi nhờ thầy dạy dỗ*

uốn nắn hằng ngày... (Tục ngữ Khmer).

Về việc phản ánh mối quan hệ giữa các tầng lớp trong xã hội, dù còn mang tư tưởng buông xuôi, chấp nhận số phận nhưng cũng có những câu tục ngữ mang tư tưởng phản kháng: *Con vua thì phải làm vua, còn con nhà nghèo khổ bắt của mỗi ngày* (Tục ngữ Việt); *Con kẻ thấp trở thành người hầu của vua, con lưu manh thành người thông thái, người nghèo khó sẽ có của cải; không nên xem thường bất cứ một ai...* (Tục ngữ Khmer).

Đối với người Khmer, những tín đồ của Phật giáo Nam tông, quan hệ xã hội của họ còn là mối quan hệ với ngôi chùa, mà sư là hiện thân của Phật. Trong tâm thức người Khmer, sư tăng luôn được tôn trọng tuyệt đối: *Muốn biết học từ Acha¹, muốn được hoa quả phải chăm sóc cây.*

2.2.3. *Phản ánh cách ứng xử và kinh nghiệm sống của nhân dân*

Tục ngữ là “*pho sách giáo khoa hướng dẫn cách suy nghĩ về những trường hợp của cuộc sống mà nhân dân ta hay gặp phải trong các quan hệ với giới tự nhiên và các quan hệ xã hội thời xưa*” [1, tr.182]. Và cách suy nghĩ, hành động này thể hiện tư tưởng nhân đạo chân chính của nhân dân lao động. Họ đề cao đức tính thật thà, cần cù, yêu lao động đồng thời phê phán những thói hư tật xấu trong dân chúng cũng như những bất công trong xã hội và khát khao luân lí, chính nghĩa của nhân dân.

Qua tục ngữ của hai dân tộc, chúng ta thấy hình ảnh của những con người cần cù, siêng năng, kiên trì trong lao động, trong cuộc sống: *Có làm thì mới có ăn, không dung ai để mang phần đến cho...* (Tục ngữ Việt); *Công việc hoàn thành*

nhờ cố gắng, không phải sinh ra đã có ngay; Giận cố gắng nhịn, nghèo cố gắng làm... (Tục ngữ Khmer).

Đó còn là đức tính cần kiệm, lo xa: *Buôn tàu, bán bè không bằng ăn dè hà tiện; Cửa đầy kho không lo cũng hết; Làm khi lành để dành khi đau...* (Tục ngữ Việt); *Nhỏ từng giọt như nước thốt nốt sáng sớm dậy cũng đầy ống; Muốn thông minh phải cố gắng, thắt chặt lưng quần làm ăn khá; Việc nghèo khó đừng tính dễ, việc tiêu sài thật vô cùng, phải từ từ đừng vội phóng, sợ không tới nơi như mong muốn...* (Tục ngữ Khmer). Đó là lối sống đạo đức, nhân nghĩa, tương thân tương ái: *Lá lành đùm lá rách; Thương người như thể thương thân...* (Tục ngữ Việt); *Đừng ăn no chỉ một mình, không tính đến người khác, người ta đói khổ nên để họ cùng ăn cho no...* (Tục ngữ Khmer).

Là đức tính trọng danh dự: *Chết vinh hơn sống nhục; Đói cho sạch, rách cho thơm*; là tính thiết thực: *Ăn lấy chắc, mặc lấy bền*; là sự cần cù: *Liệu cơm gắp mắm* (Tục ngữ Việt); *Bỏ thịt chụp lấy xương, lúc nhai thấy cứng mới quay tìm thịt; Chín đầu ăn đầu, chín đuôi ăn đuôi...* (Tục ngữ Khmer).

Để làm tròn trách nhiệm phản ánh mọi mặt đời sống xã hội, tục ngữ không chỉ biết phản ánh những nét đẹp truyền thống của con người mà quan trọng hơn, còn dành một vị trí đáng kể để nhắc nhở những gì chưa tốt trong một bộ phận cư dân. Cái xấu xuất hiện trong mọi khía cạnh của đời sống, trên những phạm vi và mức độ khác nhau. Nhắc nhở, phê phán cái ác, cái xấu cũng là đề cao cái thiện, cái đẹp của con người.

Tục ngữ phê phán thói lười biếng,

dùng dưng, thờ ơ, ích kỉ: *Cháy nhà hàng xóm bình chân như vại...* (Tục ngữ Việt); *Việc sai là ở người làm, kẻ ở không chẳng bao giờ sai; Việc ai nấy biết; Đừng nằm chờ số mạng đừng y vào tiền kiếp, gắng làm đừng ở không, phải học cho biết đủ nghề...* (Tục ngữ Khmer).

Những lối sống thiên cận, hư hỏng: *Ếch ngồi đáy giếng; Bần cùng sinh đạo tặc...* (Tục ngữ Việt); *Con ếch ở trong giếng nước, tưởng trời cao chỉ bằng nắp vung, kẻ không có trí thức, cứ cho mình là người giỏi nhất; Kẻ đam mê ba loại: chơi gái, rượu và các loại cá độ làm cho tài sản tiêu tan* (Tục ngữ Khmer).

Hay lối sống thủ đoạn, hoài nghi, kiêu ngạo: *Con ếch chết vì miệng; Nọc người bằng mười nọc rắn...* (Tục ngữ Việt); *Chết vì cá tính như dao tự gọt cán; Đừng khoét lỗ để tự hạ thân, đừng ản mình tìm mưu kế, đừng làm phật lòng vì sự nghi ngờ...* (Tục ngữ Khmer).

Từ đó, trên nền tảng tư tưởng đạo đức dân gian và tôn giáo, cả hai dân tộc đều đưa ra những lời khuyên về cách ứng xử phù hợp: *Chọn mặt gởi lời, chọn người gởi của; Giúp lời không ai giúp của, giúp đũa không ai giúp cơm; Làm phúc được phúc, làm ơn được ơn...* (Tục ngữ Việt); *Đừng sống như ếch, đừng chết như rắn; Thua thành phật, thắng thành thù; Đừng như con bướm quên thân sâu...* (Tục ngữ Khmer).

Như vậy, quan niệm sống, cách đối nhân xử thế được thể hiện trong tục ngữ Khmer và Việt đều hướng con người đến cái tốt, cái đẹp. Và những quan niệm này được bắt nguồn từ nền tảng tư tưởng Phật giáo, dù mức độ đậm nhạt khác nhau. Bên cạnh đó, trong tục ngữ Việt còn có

những câu chịu ảnh hưởng của Nho giáo (*Sống chết có số, giàu sang do trời...*) mà tục ngữ Khmer không có.

3. Kết luận

Tìm hiểu tục ngữ Khmer từ góc nhìn so sánh không chỉ giúp chúng ta tìm ra những cái giống và khác biệt về mặt nội dung giữa tục ngữ hai dân tộc mà còn trong định hướng tìm đến bản sắc văn hóa của hai dân tộc. Tục ngữ Khmer có giá trị về nhiều mặt, được đúc kết từ đời

sống cộng đồng của dân tộc Khmer và về cơ bản có những mối quan hệ tương đồng, gần gũi với tục ngữ người Việt. Nhưng xét trên phương diện nội dung, tục ngữ Khmer và tục ngữ Việt cũng có những khác biệt thuộc về bản chất của ngôn ngữ và văn hóa của hai dân tộc. Và điều này không nhằm phản bác nhau mà để khẳng định bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc qua tục ngữ.

¹ *Acha*: Người đã tu học lâu năm, có thể còn tu hoặc đã hoàn tục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chu Xuân Diên, Lương Văn Đăng, Phương Tri (1975), *Tục ngữ Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
2. Lê Đức Đồng (2007), “Những nét tương đồng gần gũi giữa thành ngữ, tục ngữ Khmer và thành ngữ tục ngữ người Việt”, *Tạp san Giáo dục Đào tạo Sóc Trăng*, 2-2007.
3. Sơn Phước Hoan (1999), *Thành ngữ và tục ngữ Khmer*, Nxb Giáo dục.
4. Phạm Tiết Khánh (2007), “Về tính biểu trưng của thành ngữ, tục ngữ Khmer Nam Bộ”, *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP HCM*, 11(45).
5. Nguyễn Văn Nở (2002), “Logic ngôn giao trong tục ngữ Việt Nam”, *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, (3).
6. Nguyễn Văn Nở (2009), “Dấu ấn văn hóa – dân tộc qua chất liệu biểu trưng của tục ngữ người Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, (3).
7. Nguyễn Văn Nở (2010), “Logic ngôn giao trong thành ngữ, tục ngữ Khmer”, Kì yếu *Hội thảo Ngôn ngữ học toàn quốc*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Trần Thanh Pôn (2006), *Một số câu tục ngữ, ca dao tiếng Khmer – Việt có nội dung gần giống nhau*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
9. Kim Sơn, Lâm Qui, Ngọc Thạch, Trần The (2010), *Thành ngữ tục ngữ và câu đố Khmer-Việt*, tập 1, Nxb Giáo dục.
10. Huỳnh Ngọc Trảng, Văn Xuân Chí, Hoàng Túc, Đặng Vũ Thị Thảo, Phan Thị Yến Tuyết (1987), *Người Khmer tỉnh Cửu Long*, Sở Văn hóa - Thông tin Cửu Long xuất bản.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 01-10-2013; ngày phản biện đánh giá: 18-12-2013;
ngày chấp nhận đăng: 20-02-2014)